

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Bình Phước;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017 như sau:

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2017 là 2.305.619 triệu đồng, tăng 713.230 triệu đồng so với Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Nguồn vốn tăng năm 2017 (ngân sách địa phương):	713.230 triệu đồng.
a) Vốn đầu tư trong cân đối:	48.249 triệu đồng.
- Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017:	48.249 triệu đồng.
b) Nguồn tiền sử dụng đất:	665.144 triệu đồng.
- Nguồn vượt thu năm 2016 :	140.000 triệu đồng;
- Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2017:	400.000 triệu đồng;
- Nguồn tăng thu khối huyện, thị xã năm 2017:	121.748 triệu đồng;

- Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017:	3.396 triệu đồng.
c) Nguồn thu xổ số kiến thiết:	45.662 triệu đồng.
- Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017:	45.662 triệu đồng.
d) Vốn vay chương trình kiên cố hóa kênh mương:	2.175 triệu đồng.
- Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017:	2.175 triệu đồng.
e) Giảm nguồn hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp so với kế hoạch đầu năm:	48.000 triệu đồng.
2. Phương án bố trí các nguồn vốn tăng năm 2017:	
713.230 triệu đồng, trong đó:	

a) Vốn phân cấp huyện, thị xã tăng:	281.748 triệu đồng.
b) Chuẩn bị đầu tư tăng:	8.982 triệu đồng.
c) Các dự án chuyển tiếp tăng:	299.000 triệu đồng.
d) Các dự án khởi công mới tăng:	123.500 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1, 2, 3 và phụ lục 1.1, 3.1. Trong đó biểu số 1, số 2 không thay đổi so với kế hoạch vốn đầu năm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2017
 (Kèm theo Nghị quyết số 33 /2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

STT		Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
	Công số	1.592.389	2.305.619	713.230	
I	Nguồn vốn NSTFW	317.429	317.429	-	
1	Vốn trong nước	220.782	220.782	-	Biểu số 1
-	Vốn CTMTQG	66.602	66.602	-	
-	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	154.180	154.180	-	
2	Vốn nước ngoài (ODA)	96.647	96.647	-	Biểu số 2
II	Nguồn vốn NSDP	1.274.960	1.988.190	713.230	Biểu số 3
1	Vốn đầu tư trong cân đối	477.840	526.089	48.249	
-	Vốn giao đầu năm	477.840	477.840	-	
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		48.249	48.249	
2	Thu tiền sử dụng đất	320.120	985.264	665.144	
-	Nguồn vốn giao đầu năm	320.120	320.120	-	
-	Vốn vượt thu SĐĐ năm 2016 chuyển sang năm 2017		140.000	140.000	
-	Vốn tăng thu SĐĐ năm 2017		400.000	400.000	
-	Tăng khối huyện, thị xã		121.748	121.748	
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		3.396	3.396	
3	Thu XSKT	411.000	456.662	45.662	
-	Nguồn vốn giao đầu năm	411.000	411.000		
-	Vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017		45.662	45.662	
4	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	66.000	18.000	(48.000)	Giảm 48 tỷ so với đầu năm, bao gồm: Trường THPT Đồng Phú 30 tỷ; Trường THPT Bù Gia Mập 15 tỷ; Trường TH Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập 3 tỷ
5	Vốn vay KCH kênh mương (vốn năm 2016 chuyển sang năm 2017)		2.175	2.175	



BIỂU SỐ 1

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2017

Kèm theo Nghị quyết số 33 /2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Theo QĐ 863/QĐ- UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG(I+II)			189.078	220.782	19.000	220.782		
I	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				66.602		66.602		
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững				22.602	-	22.602		
	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo ĐBK, xã biên giới, các thôn ĐBK thuộc chương trình 135				22.602		22.602		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				44.000	-	44.000		
	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các xã NTM giai đoạn 2016-2020				44.000		44.000		Có biểu chi tiết kèm theo
II	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2.391.656	189.078	154.180	19.000	154.180			
1	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng	1.207.584	125.774	72.226	3.000	75.226			
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2017</i>	149.940	95.774	42.226	-	42.226			
1	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản	2320/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	63.223	42.674	17.326		17.326	UBND huyện Hớn Quản	
2	Đường từ N1 đến bến xe mới huyện Bù Đốp hướng ra tuyến biên giới, huyện Bù Đốp	2322/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	49.909	27.500	15.500		15.500	UBND huyện Bù Đốp	
3	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riêng đi Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND ngày 28/10/2014	36.808	25.600	9.400		9.400	UBND huyện Bù Gia Mập	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		320.000	30.000	15.000	-	15.000		
1	Đường giao thông phục vụ dân sinh gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới huyện Lộc Ninh	2405/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	170.000	15.000	5.000		5.000	UBND huyện Lộc Ninh	
2	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trồng cỏ Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	150.000	15.000	10.000		10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		737.644	-	15.000	3.000	18.000		
1	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	2749/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	149.644		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	
2	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)		80.000		3.000		3.000	UBND TX Đồng Xoài	

ST T	Nội dung	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Theo QĐ 863/QĐ- UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017			
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	2744/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	150.000		3.000		3.000	UBND huyện Phú Riềng	
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể-huyện Phú Riềng	2743/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	150.000		3.000		3.000	UBND huyện Phú Riềng	
5	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đông Xoài 1	1071/QĐ-UBND ngày 29/5/2015	125.000		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	UBND tỉnh đã có Công văn số 526/UBND-KTTH ngày 27/2/2017 loại bỏ dự án ra khỏi kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Do vậy không thực hiện dự án, Sở KHĐT sẽ tham mưu UBND tỉnh trình TW điều chỉnh vốn cho các DA khác
6	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	2746/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	83.000			3.000	3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững		21.943			3.000	3.000		
	Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017		21.943			3.000	3.000		
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	1438/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	21.943			3.000	3.000	Vườn QG Bù Gia Mập	
3	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		167.742	19.304	46.954		46.954		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017		167.742	19.304	46.954		46.954		
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2392/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	147.742	19.304	46.954		46.954	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013)		20.000						
4	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	34.000		10.000	10.000		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017		676.725	34.000		10.000	10.000		
	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	34.000		10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	

ST T	Nội dung	Quyết định ĐT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Đã ghi KH vốn đến hết 2016	Kế hoạch vốn đầu năm		Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Theo QĐ 863/QĐ- UBND ngày 13/4/2017	Theo QĐ 1287/QĐ- UBND ngày 25/5/2017			
5	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		132.000	-	-	3.000	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		132.000	-	-	3.000	3.000		
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	2691/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	132.000			3.000	3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
6	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		44.100	-	3.000	-	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		44.100	-	3.000	-	3.000		
	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp		44.100		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	
7	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin		32.000	-	3.000	-	3.000		
	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2017</i>		32.000	-	3.000	-	3.000		
	Đầu tư trang thiết bị và xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu kết nối liên thông từ Trung ương đến địa phương		32.000		3.000		3.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	UBND tỉnh đã có Công văn số 526/UBND-KTTH ngày 27/2/2017 loại bỏ dự án ra khỏi kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020. Do vậy không thực hiện dự án; Sở KHĐT sẽ tham mưu UBND tỉnh trình TW điều chỉnh vốn cho các DA khác
8	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		109.562	10.000	10.000	-	10.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2017</i>		109.562	10.000	10.000	-	10.000		
	Xây dựng đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắc O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	109.562	10.000	10.000		10.000	BỘ CHBĐBP	
9	Số vốn bố trí chưa đúng quy định, chưa phân bổ chi tiết, hoặc thông tin số liệu chưa rõ ràng cần tiếp tục rà soát				19.000				

PHỤ LỤC SỐ 1.1
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2017



(Nguồn vốn NSTW)

Số Quyết định số 38 /2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017
 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng cộng	44.000	44.000	
I	Thị xã Đông Xoài	2.500	2.500	
	Xã Tiên Thành	2.500	2.500	
II	Thị xã Phước Long	2.500	2.500	
	Xã Phước Tín	2.500	2.500	
III	Huyện Đông Phú	7.000	7.000	
	Xã Tân Lợi	3.500	3.500	
	Xã Tân Phước	3.500	3.500	
IV	Huyện Chơn Thành	3.500	3.500	
	Xã Thành Tâm	3.500	3.500	
V	Huyện Hớn Quản	3.500	3.500	
	Xã Tân Lợi	3.500	3.500	
VI	Huyện Bù Đăng	4.000	4.000	
	Xã Minh Hưng	1.000	1.000	
	Xã Đức Liễu	3.000	3.000	
VII	Huyện Lộc Ninh	8.000	8.000	
	Xã Lộc Hưng	1.000	1.000	
	Xã Lộc Hiệp	3.500	3.500	
	Xã Lộc Thái	3.500	3.500	
VIII	Huyện Bù Gia Mập	5.000	5.000	
	Xã Phú Nghĩa	1.500	1.500	
	Xã Đức Hạnh	3.500	3.500	
IX	Huyện Phú Riềng	5.000	5.000	
	Xã Bù Nho	1.500	1.500	
	Xã Phú Riềng	3.500	3.500	
X	Huyện Bù Đốp	3.000	3.000	
	Xã Thiện Hưng	3.000	3.000	

Ghi chú: UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết cho từng danh mục dự án đến chủ đầu tư

BIỂU SỐ 2
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2017
 Căn theo Nghị quyết số 33 /2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm					Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư	
					Số quyết định	TMĐT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn nước ngoài
							Tổng số	Vốn trong nước					
Trong đó:		Vốn nước ngoài											
		NSTW		NSDP và các nguồn vốn khác									
TỔNG CỘNG													
I	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					403.446	53.377	23.995	23.995	350.069	96.647	96.647	
1	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10.000 m ³ /ngày đêm	Đồng Xoài	10.000 m ³ /ngày đêm	2011-2015	440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011	341.615	47.989	23.995	23.995	293.626	73.493	73.493	Công ty cổ phần cấp thoát nước
2	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện			2011-2017	1912, 1913, 1914, 1915 /QĐ-UBND ngày 31/8/2015	61.831	5.388			56.443	23.154	23.154	Sở Y tế



BIỂU SỐ 3

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017
(theo Nghị quyết số 33 /2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Danh mục đầu tư	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư	
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		Vốn vay KCH kênh mương
1	2	3	4=5+6+7+8+9	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	1.274.960	1.988.190	526.089	985.264	456.662	18.000	2.175	
I	TRẢ NỢ	186.550	186.550	186.550	-	-	-	-	
1	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015	116.550	116.550	116.550					
2	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương	70.000	70.000	70.000					
II	VỐN PHÂN CẤP HUYỆN - THỊ	488.420	770.168	193.600	576.568	-	-	-	
1	THỊ XÃ ĐÔNG XÒAI	48.920	163.140	18.920	144.220				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	18.920	18.920	18.920					
b	Tiền sử dụng đất	30.000	44.220		44.220				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô thị xã Đông Xoài		100.000		100.000				
2	THỊ XÃ BÌNH LONG	32.760	30.900	17.160	13.740				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.160	17.160	17.160					
b	Tiền sử dụng đất	15.600	13.740		13.740				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	4.000	4.000		4.000				
3	THỊ XÃ PHƯỚC LONG	150.800	268.400	15.400	253.000				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.400	15.400	15.400					
b	Tiền sử dụng đất	135.400	253.000		253.000				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
4	HUYỆN ĐÔNG PHÚ	32.630	50.328	17.930	32.398				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.930	17.930	17.930					
b	Tiền sử dụng đất	14.700	29.398		29.398				
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	8.000	8.000		8.000				
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng xã NTM		3.000		3.000				Giao UBND huyện thông báo vốn cho chủ đầu tư (xã Tân Lợi 2 tỷ đồng, xã Tân Phước 1 tỷ đồng)
5	HUYỆN BỬ ĐĂNG	39.440	32.800	20.240	12.560				
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	20.240	20.240	20.240					

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh					Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP, Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	
b	Tiền sử dụng đất	19.200	12.560		12.560			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	10.000	10.000		10.000			
6	HUYỆN BÚ GIA MẬP	27.800	26.460	17.600	8.860			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.600	17.600	17.600				
b	Tiền sử dụng đất	10.200	8.860		8.860			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	6.000	6.000		6.000			
7	HUYỆN CHƠN THÀNH	38.270	42.794	17.270	25.524			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.270	17.270	17.270				
b	Tiền sử dụng đất	21.000	25.524		25.524			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	10.000	10.000		10.000			
8	HUYỆN HỐN QUẢN	23.270	24.905	17.270	7.635			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	17.270	17.270	17.270				
b	Tiền sử dụng đất	6.000	7.635		7.635			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	4.000	4.000		4.000			
9	HUYỆN LỘC NINH	43.360	35.426	19.360	16.066			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	19.360	19.360	19.360				
b	Tiền sử dụng đất	24.000	9.066		9.066			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	12.000	9.066		9.066			
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng xã NTM		3.000		3.000			Giao UBND huyện thông báo vốn cho chủ đầu tư (xã Lộc Hiệp 1,5 tỷ đồng, xã Lộc Thái 1,5 tỷ đồng)
d	Hỗ trợ đầu tư đường tuần tra biên giới Chiu Riu -Tà Nốt và đường từ QL 13 vào nhà văn hóa huyện Lộc Ninh		4.000		4.000			
10	HUYỆN BÚ ĐÓP	26.270	22.550	15.950	6.600			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	15.950	15.950	15.950				
b	Tiền sử dụng đất	10.320	6.600		6.600			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	5.000	5.000		5.000			
11	HUYỆN PHÚ RIỀNG	24.900	72.465	16.500	55.965			
a	Vốn cân đối theo tiêu chí	16.500	16.500	16.500				
b	Tiền sử dụng đất	8.400	5.965		5.965			
	Trong đó đầu tư hạ tầng các xã NTM	5.000	5.000		5.000			
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường khu Trung tâm hành chính huyện		50.000		50.000			
III	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		8.982		8.982			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				Vốn vay KCH kênh mương	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
1	CBĐT xây dựng trụ sở đội PCCC huyện Lộc Ninh		3.000			3.000			Công an tỉnh
2	CBĐT dự án đường Bom Bo - Đắc Nhau huyện Bù Đăng		4.000			4.000			UBND huyện Bù Đăng
3	CBĐT Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước từ 300 lên 600 giường bệnh		1.982			1.982			Sở Y tế
IV	VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN	599.990	1.022.490	145.939	408.696	447.680	18.000	2.175	
	Dự án chuyên tiếp sang năm 2017	343.700	642.700	110.549	211.896	318.080		2.175	
1	Đôi ứng các dự án ODA	29.800	41.040	-	-	41.040	-	-	
1.1	Dự án mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài công suất 20.000 m ³ / ngày đêm	7.000	8.050			8.050			Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
1.2	Dự án mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài công suất 10.000 m ³ / ngày đêm	5.500	11.500			11.500			Công ty TNHH MTV cấp thoát nước
1.3	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	1.900	5.400			5.400			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
1.4	Các dự án hệ thống xử lý nước thải bệnh viện trên địa bàn tỉnh	2.600	3.290			3.290			Sở Y tế
1.5	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	7.500	7.500			7.500			Sở KHĐT
1.6	Dự án phát triển giáo dục Trung học phổ thông giai đoạn 2	5.300	5.300			5.300			Sở GDĐT
2	Nông nghiệp-Nông thôn	69.100	155.579	26.784	82.500	46.100	-	195	
2.1	Trả nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2016	64.100	68.100	23.000	4.000	41.100			Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh
2.2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	5.000	5.000			5.000			Chi cục kiểm lâm
2.3	Dự án trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng		5.000		5.000				Hạt Kiểm lâm Bù Đốp

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
2.4	GPMB (thanh lý cao su) chỉ trả cho Tập đoàn cao su		73.500		73.500				Ban QLKKT
2.5	Hệ thống Kênh tưới thuộc ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang, huyện Lộc Ninh		195					195	UBND huyện Lộc Ninh
2.6	Dự án nâng cấp trại giống cây trồng vật nuôi thành trung tâm giống lâm nghiệp tỉnh Bình Phước (đối ứng với NSTW)		3.784	3.784					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
3	Công nghiệp	5.000	11.136	11.136	-	-	-		
	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	5.000	11.136	11.136					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Giao thông - Vận tải	60.500	115.196	20.054	40.000	53.996	-	1.146	
4.1	Láng nhựa đường Đoàn Thị Điểm nối dài thị xã Bình Long	5.000	5.000	5.000					UBND thị xã Bình Long
4.2	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, Đồng Xoài	5.000	5.000	5.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.3	Hệ thống thoát nước, via hè trên QL13 đoạn qua khu vực chợ Thanh Lương thị xã Bình Long và đoạn từ chợ Lộc Thái đến cầu Mua huyện Lộc Ninh	11.000	11.000			11.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.4	Vốn góp dự án xây dựng cầu Sài Gòn nối hai tỉnh Bình Phước và Tây Ninh	6.000	6.000			6.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.5	Đường trục chính Bắc-Nam (nối dài) thuộc Trung tâm Hành chính huyện Hớn Quản (đối ứng ngân sách TW)	3.200	6.149			6.149			UBND huyện Hớn Quản
4.6	Xây dựng đường liên xã Thuận Lợi-Thuận Phú, huyện Đồng Phú	10.000	10.000			10.000			UBND huyện Đồng Phú
4.7	Xây dựng đường liên xã Bù Nho-Long Tân, huyện Phú Riềng	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Phú Riềng
4.8	Xây dựng đường D6 Trung tâm HC huyện Phú Riềng	5.300	5.300			5.300			UBND huyện Phú Riềng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Trong đó						
			Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
4.9	Xây dựng đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Điền - Lộc Thái (huyện Lộc Ninh)	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Lộc Ninh
4.10	Xây dựng đường Minh Thành - An Long, huyện Chơn Thành	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Chơn Thành
4.11	Nâng cấp đường liên xã từ Minh Tâm đi An Phú, huyện Hớn Quản		10.000		10.000				UBND huyện Hớn Quản
4.12	Nâng cấp tuyến đường cứu hộ, cứu nạn Sao Bông - Đăng Hà		30.000		30.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.13	Xây dựng cầu Đak Lung 2		1.146					1.146	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4.14	Đường vào trung tâm xã Thanh An huyện Hớn Quản (đối ứng NSTW)		547			547			UBND huyện Hớn Quản
4.15	Sửa chữa đường trục chính KCN Chơn Thành		1.194	1.194					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.16	Đường ĐT741 đi đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập		3.000	3.000					UBND huyện Bù Gia Mập
4.17	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản		5.860	5.860					UBND huyện Hớn Quản
5	Hạ tầng đô thị	-	3.251	-	-	3.251	-	-	
	Via hè QL.14 (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Nguyễn Huệ) thị xã Đồng Xoài		3.251			3.251			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Y tế	23.500	26.819	-	-	26.819	-	-	
6.1	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	4.000	7.131			7.131			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
6.2	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (đôi ứng ngân sách TW)	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Bù Gia Mập
6.3	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập (Vốn đối ứng với NSTW)	3.000	3.000			3.000			UBND huyện Bù Gia Mập
6.4	Bệnh viện đa khoa huyện Hớn Quản	11.500	11.500			11.500			UBND huyện Hớn Quản
6.5	Xây dựng Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập (giai đoạn 2)		188			188			UBND huyện Bù Gia Mập
7	Giáo dục - Đào tạo	92.900	105.471	-	5.000	100.471	-	-	
7.1	Xây dựng Trường THPT Phước Bình, thị xã Phước Long	6.000	6.000			6.000			Sở GDĐT
7.2	10 phòng học lầu Trường THPT Chu Văn An, huyện Chơn Thành	1.200	1.200			1.200			Sở GDĐT
7.3	Xây dựng Trường THPT Đa Kìa huyện Bù Gia Mập	8.000	8.000			8.000			Sở GDĐT
7.4	Trường THPT Ngô Quyền, huyện Bù Gia Mập	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7.5	Xây dựng nhà tập đa năng, hạ tầng kỹ thuật và sửa chữa phòng học trường THPT Bù Đàng	2.500	2.500			2.500			Sở GDĐT
7.6	Trường dân tộc nội trú cấp 2,3 huyện Bù Gia Mập	5.000	5.000			5.000			Sở GDĐT
7.7	Mua sắm thiết bị phòng học phòng bộ môn một số trường học trên địa bàn tỉnh	3.500	3.500			3.500			Sở GDĐT
7.8	Mở rộng Ký túc xá cho học sinh PTĐTNT tỉnh	1.700	1.700			1.700			Sở GDĐT
7.9	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				Vốn vay KCH kênh mương	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
7.10	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Lộc Ninh
7.11	Trường mầm non Tuổi Thơ, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành	8.000	13.000		5.000	8.000			UBND huyện Chơn Thành
7.12	Trường Mẫu giáo Đức Phong, huyện Bù Đăng	5.000	10.275			10.275			UBND huyện Bù Đăng
7.13	Trường Mầm non Tân Tiến, huyện Đồng Phú	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Đồng Phú
7.14	Xây dựng trường TH xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Đồng Phú
7.15	Trường Mầm non Bù Nho, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	8.000	8.000			8.000			UBND huyện Phú Riềng
7.16	Trường mẫu giáo Thanh Lương TX. Bình Long	8000	10.000			10.000			UBND TX Bình Long
7.17	Trường THPT chuyên thị xã Bình Long		296			296			UBND TX Bình Long
8	Văn hóa - Xã hội	18.800	46.690	26.606	6.921	13.163	-	-	
8.1	Hạ tầng kỹ thuật (phần còn lại) Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	1.800	1.800	1.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	7.000	14.372	7.372		7.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.3	Trung tâm văn hoá thể thao công đoàn tỉnh Bình Phước (NS tỉnh đối ứng)	5.000	5.000			5.000			Liên đoàn LĐ tỉnh
8.4	Tu bổ, tôn tạo di tích Mộ tập thể 3000 người		6.921		6.921				UBND thị xã Bình Long
8.5	Xây dựng hàng rào dự án khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết	5.000	15.000	15.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
8.6	Đường vành đai khu A thuộc dự án Phim trường kết hợp với khu du lịch Trảng cỏ Bù Lạch		1.163			1.163			Đài PTTH
8.7	Xây dựng khu đón tiếp khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		608	608					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8.8	Xây dựng Trung tâm phát xạ BTV Đài phát thanh truyền hình Bình Phước		1.826	1.826					Đài PTTH
9	Khoa học - Công nghệ	6.000	6.856	326	-	6.530	-	-	
9.1	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật đo lường và thử nghiệm	6.000	6.326	326		6.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
9.2	Thiết bị thí nghiệm Trường Trung cấp y tế		530			530			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10	Quản lý Nhà nước	4.500	12.500	4.000	4.000	4.500	-	-	
10.1	Cải tạo, sửa chữa và mở rộng trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	2.000	3.000	1.000		2.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10.2	Trụ sở làm việc trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân tỉnh Bình Phước	2.500	2.500			2.500			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10.3	Sửa chữa Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước		7.000	3.000	4.000				Sở Xây dựng
11	Quốc phòng - An ninh	6.100	9.434	3.334	-	6.100	-	-	
11.1	Nhà làm việc Sở Chỉ huy A2 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.000	3.000			3.000			Bộ CHQS tỉnh
11.2	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước (vốn đối ứng NS tỉnh)	3.100	6.434	3.334		3.100			Công an tỉnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
12	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)	7.500	7.936	7.500	-	436	-	-	Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã
12.1	Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000	1.000					
12.2	Huyện Bù Đốp	3.000	3.436	3.000		436			
12.3	Huyện Lộc Ninh	3.500	3.500	3.500					
13	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg	10.000	10.000	10.000					UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện cho các đối tượng thuộc đề án 755
13.1	Huyện Bù Đăng	1.000	1.000	1.000					
13.2	Huyện Chơn Thành	500	500	500					
13.3	Huyện Bù Gia Mập	1.500	1.500	1.500					
13.4	Huyện Đồng Phú	3.000	3.000	3.000					
13.5	Huyện Lộc Ninh	2.000	2.000	2.000					
13.6	Thị xã Phước Long	500	500	500					
13.7	Thị xã Bình Long	500	500	500					
13.8	Huyện Phú Riềng	1.000	1.000	1.000					
14	Thanh toán các công trình đã quyết toán	10.000	18.792	809	1.475	15.674		834	Có danh mục chi tiết kèm theo
15	Đối ứng dự án PPP	-	72.000	-	72.000	-	-		
15.1	GPMB đường Đồng Phú-Bình Dương (phần diện tích ngoài hành lang 70 m)		60.000		60.000				Công ty cao su Bình Phước
15.2	Hỗ trợ GPMB QL 13 (đoạn thị trấn Lộc Ninh đi ngã 3 Lộc Tấn)		12.000		12.000				UBND huyện Lộc Ninh
	Khởi công mới năm 2017	256.290	379.790	35.390	196.800	129.600	18.000	-	
1	Hạ tầng khu công nghiệp	10.000	52.500	-	42.500	10.000	-		
1.1	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
1.2	Dự án nối dài hạ lưu mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Hàn Quốc		5.000		5.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				Vốn vay KCH kênh mương	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
1.3	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước		20.000		20.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
1.4	Xây dựng các tuyến đường số 2, số 3, số 4, số 5, số 7 và nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài 1 (hạng mục nhà máy xử lý nước thải)		17.500		17.500				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Giao thông - Vận tải	34.190	80.190	25.390	46.000	8.800		-	
2.1	Đường vòng quanh hồ thủy lợi Phước Hòa tỉnh Bình Phước	5.000	21.000		16.000	5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.2	Láng nhựa đường ALT1 từ đường Ngô quyền đến cầu cây Sung thị xã Bình Long	3.800	3.800			3.800			UBND TX Bình Long
2.3	Nâng cấp đường Lộc Tấn -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	20.000	20.000	20.000					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.4	Xây dựng đường từ QL 13 vào trường Cao đẳng nghề Bình Phước	5.390	5.390	5.390					Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2.5	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp		20.000		20.000				UBND huyện Bù Đốp
2.6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)		5.000		5.000				UBND thị xã Bình Long
2.7	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng		5.000		5.000				UBND huyện Phú Riềng
3	Hạ tầng đô thị	10.000	10.000	-	-	10.000		-	
	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tỉnh lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4	Y tế	21.400	21.400	-	-	21.400		-	

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				Vốn vay KCH kênh mương	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
4.1	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Phú Riềng	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.2	Mua sắm, lắp đặt trang bị máy phát điện dự phòng công suất 313KVA Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.400	1.400			1.400			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.3	Ký túc xá học sinh, nhà tập thể thao và hạ tầng kỹ thuật trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
4.4	Nhà làm việc các khoa và bộ môn, khối thực hành và thư viện trường Trung cấp y tế	5.000	5.000			5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Giáo dục -Đào tạo	131.400	101.400	-	18.000	65.400	18.000		
5.1	Trường THPT huyện Lộc Ninh	13.000	13.000			13.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.2	Thiết bị thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh cho các trường THPT toàn tỉnh	5.000	5.000			5.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.3	Xây dựng trường THPT Thanh hòa huyện Bù Đốp	10.000	10.000			10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.4	Trường TH Tân Khai A huyện Hớn Quản	10.000	10.000			10.000			UBND huyện Hớn Quản
5.5	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	11.800	11.800			11.800			UBND huyện Chơn Thành

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó				Vốn vay KCH kênh mương	
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp		
5.6	Xây dựng Nhà tập đa năng Trường THPT chuyên Quang Trung	3.600	3.600			3.600			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5.7	Trường mẫu giáo Lộc Hiệp huyện Lộc Ninh	7.000	7.000			7.000			UBND huyện Lộc Ninh
5.8	Trường Tiểu học Thiện Hưng C huyện Bù Đốp	5.000	5.000			5.000			UBND huyện Bù Đốp
5.9	Trường THPT huyện Đồng Phú	30.000	10.000		10.000				UBND huyện Đồng Phú
5.10	Trường THPT huyện Bù Gia Mập	30.000	15.000				15.000		UBND huyện Bù Gia Mập
5.11	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	6.000	6.000		3.000		3.000		UBND huyện Bù Gia Mập
5.12	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú		5.000		5.000				UBND huyện Đồng Phú
6	Văn hóa - Xã hội	-	65.000	-	65.000	-	-		
6.1	Bãi đậu xe, sân vườn và đường nội bộ Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tà Thiết		10.000		10.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6.2	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam		35.000		35.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6.3	Kinh phí di dời và GPMB vùng lõi khu di tích Bộ chỉ huy miền Tà Thiết		20.000		20.000				UBND huyện Lộc Ninh
7	Khoa học - Công nghệ	8.000	8.000	-	-	8.000	-		
	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	8.000	8.000			8.000			Văn phòng tỉnh ủy
8	Quản lý Nhà nước	6.000	6.000	-	-	6.000	-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh						Chủ đầu tư
			Tổng cộng	Trong đó					
				Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền sử dụng đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và doanh nghiệp	Vốn vay KCH kênh mương	
8.1	Cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc Ban tổ chức Tỉnh ủy	3.000	3.000			3.000			Ban tổ chức Tỉnh ủy
8.2	Máy phát điện dùng chung cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh	3.000	3.000			3.000			Văn phòng Tỉnh ủy
9	Quốc phòng - An ninh	10.000	10.000	10.000	-	-	-		
9.1	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	5.000	5.000	5.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
9.2	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	5.000	5.000	5.000					Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
10	Đầu tư từ nguồn thu SDD (Ghi thu ghi chi)	25.300	25.300			25.300			

H. PHƯƠNG

PHỤ LỤC SỐ 3.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2017 TẤT TOÀN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
1		3	4	5	6
	Tổng cộng		10.000	18.792	
I	NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN		1.664	2.876	
1	Xây dựng trạm bảo vệ rừng số 10 và trạm ngã 3 đường tuần tra biên giới tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 246/QĐ-UBND, 18/02/2014		26	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
2	Nâng cấp, sửa chữa đường tuần tra bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng Vườn QG BGM	QĐ số 287/QĐ-UBND, 03/02/2015		52	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
3	Xây dựng khu diễn tập phòng chống cháy, chữa cháy rừng tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 922/QĐ-UBND, 15/5/2015		20	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
4	Xây dựng công trình phụ phân khu dịch vụ hành chính Vườn Quốc gia BGM. Hạng mục: San lấp, kê đá; nhà xe; sân vườn; đường nội bộ; cột cờ; sa bàn vườn; hệ thống thoát nước; hệ thống chiếu sáng	QĐ số 2061/QĐ-UBND, 02/8/2016		39	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
5	Xây dựng trụ sở làm việc Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 2060/QĐ-UBND, 02/8/2016		54	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
6	Di dời và ổn định dân xâm canh trong lâm phần Vườn Quốc gia BGM ra khu vực định canh, định cư giai đoạn I, năm 2010-2011	QĐ số 934/QĐ-UBND, 19/4/2017		134	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
7	Hàng rào bảo vệ Vườn sưu tập thực vật Vườn quốc gia Bù Gia Mập	QĐ số 88/QĐ-UBND, 13/1/2017		57	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
8	Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015. Hạng mục: Hồ chứa nước Suối Mít "Trạm kiểm lâm số 2" và mua sắm 01 ô tô chuyên dùng hỗ trợ chữa cháy rừng cho Ban quản lý Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 932/QĐ-UBND, 19/4/2017		61	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
9	Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2012-2015. Hạng mục: Xây dựng bảng tuyên truyền bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 933/QĐ-UBND, 19/4/2017		2	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
10	Xây dựng đường vành đai vườn sưu tập thực vật Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 1797/QĐ-UBND, 18/8/2015		16	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
11	Xây dựng trạm bảo vệ rừng số 1 và trạm bảo vệ rừng số 2 tại Vườn Quốc gia BGM	QĐ số 1792/QĐ-UBND, 18/8/2015		12	Ban QLDA vườn QG Bù Gia Mập
12	Xây dựng hệ thống thủy lợi Hồ Bù Xía thuộc dự án ổn định dân di cư tự do xã Đắc O huyện Bù Gia Mập	85/QĐ-UBND ngày 13/1/2017		152	Chi cục phát triển nông thôn
13	Nạo vét lòng hồ và công xã đày thủy lợi Bù Môn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng	2450/QĐ-UBND ngày 02/10/2015		68	Chi cục thủy lợi và PCLB
14	Sửa chữa hư hỏng do mưa lũ gây ra tại hồ NT4, xã Long Hưng, huyện Phú Riềng	166/QĐ-STC ngày 20/12/2016		4	Chi cục thủy lợi và PCLB
15	Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Đông Xoài, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú	3322/QĐ-UBND ngày 28/12/2016		414	Chi cục thủy lợi và PCLB
16	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Lập huyện Đồng Phú	04/QĐ-UBND ngày 04/1/2017		23	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
17	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Long huyện Chơn Thành	3327/QĐ-UBND ngày 28/12/2016		27	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
18	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thuận Lợi huyện Đồng Phú	607/QĐ-UBND ngày 22/3/2017		17	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
19	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập	605/QĐ-UBND ngày 22/3/2017		34	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
20	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp huyện Lộc Ninh	1787/QĐ-UBND ngày 30/09/2013	26	26	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
21	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Thiện huyện Lộc Ninh	2552/QĐ-UBND ngày 11/10/2004	156	156	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT



TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
22	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đức Liễu huyện Bù Đăng	912/QĐ-UBND ngày 20/8/2010	304	304	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
23	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Bình Thắng huyện Phước Long	553/QĐ-UBND ngày 30/5/2007	90	90	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
24	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Phú huyện Bình Long	2633/QĐ-UBND ngày 21/12/2007	19	19	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
25	HTTL Suối Cam 2	1641/QĐ-UBND ngày 15/06/2009	18	18	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
26	HTTL Suối Lai	1797/QĐ-UBND ngày 17/10/2006	82	82	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
27	Hệ thống thủy lợi Bù Ka, xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập	1798/QĐ-UBND ngày 02/8/2010	448	448	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
28	Hồ chứa nước Đồng Xoài (hạng mục đền bù GPMB)	2947/QĐ-BNN ngày 27/10/2005	93	93	Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT
29	Kênh mương nội đồng xã Bình Thắng	3361/QĐ-UBND ngày 13/10/2011	428	428	UBND huyện Bù Gia Mập
II	Y TẾ		930	970	
1	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP bệnh viện đa khoa Bình Long GE 2008-2010	264/QĐ-UBND ngày 6/02/2017		13	Sở Y tế
2	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP bệnh viện đa khoa Chơn Thành GE 2008-2010	268/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		5	Sở Y tế
3	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP bệnh viện đa khoa Bù Đốp GE 2008-2010	269/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		5	Sở Y tế
4	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP bệnh viện đa khoa Phước Long GE 2008-2010	265/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		6	Sở Y tế
5	Mua sắm TTB y tế bằng nguồn vốn TPCP bệnh viện đa khoa Bù Đăng GE 2008-2010	266/QĐ-UBND ngày 06/02/2017		11	Sở Y tế
6	Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp	651/QĐ-UBND ngày 18/4/2007	595	595	UBND huyện Bù Đốp
7	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa Bù Đốp lên 70 giường	2644/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	245	245	UBND huyện Bù Đốp
8	Mua sắm trang thiết bị bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	70	70	UBND huyện Bù Gia Mập
9	Phòng khám đa khoa thị xã Đồng Xoài	1386/QĐ-UBND ngày 19/05/2009	20	20	UBND thị xã Đồng Xoài
III	GIÁO DỤC -ĐÀO TẠO		1.989	4.506	
1	Trường THPT huyện Chơn Thành	66/QĐ-UBND ngày 10/01/2017		242	Sở GD&ĐT
2	Nhà tập đa năng, khối phòng học bộ môn và phòng học; phòng hội đồng sư phạm Trường DTNT tỉnh	517/QĐ-UBND ngày 26/3/2015		618	Trường PTDTNT tỉnh
3	Trường mầm non Thanh Bình huyện Bù Đốp	1005/QĐ-UBND ngày 26/6/2015		1.657	UBND huyện Bù Đốp
4	Xây dựng Trường THPT chuyên Bình Long	2019/QĐ-UBND ngày 06/9/2011	971	971	Trường THPT chuyên Bình Long
5	Trường THPT Lộc Thái, huyện Lộc Ninh	1909/QĐ-UBND ngày 16/08/2010	957	957	Sở GD&ĐT
6	Khối phòng học, phòng học bộ môn Trường cấp 2,3 Đăng Hà huyện Bù Đăng	1364/QĐ-UBND ngày 05/7/2012	61	61	Sở GD&ĐT
IV	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		154	314	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước	87/QĐ-UBND ngày 13/1/2017		50	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Đầu tư trang thiết bị nâng cao năng lực quản lý về trồng trọt và bảo vệ thực vật	351/QĐ-UBND ngày 13/2/2017		32	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Đầu tư trang thiết bị ứng dụng năng lượng tái tạo cho nông dân tại ấp Papech xã Tân Hưng huyện Đồng Phú	168/QĐ-STC ngày 30/12/2016		14	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
4	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học về dược phẩm và mỹ phẩm	249/QĐ-UBND ngày 10/3/2017		56	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Đầu tư trang thiết bị năng lượng tái tạo cho nông dân ở các xã vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh	04/QĐ-STC ngày 08/01/2015		8	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Hệ thống một cửa điện tử tại UBND các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước	2654/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	59	59	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Xây dựng Vườn nhãn chồi và vườn ươm giống cây điều, cà phê ghép năng suất cao	1378/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	95	95	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
V	VĂN HÓA-XÃ HỘI		600	600	
1	Nhà tập thể dục thể thao đa năng tỉnh	71/QĐ-UBND 10/01/2017	600	600	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
VI	GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI- HẠ TẦNG ĐÓ THỊ		4.014	8.642	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Quý Đôn thị xã Đồng Xoài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ dài 1.780m)	941/QĐ-UBND 22/04/2017		281	UBND TX Đồng Xoài
2	Hệ thống thoát nước QL 14-đoạn đường Lê quý Đôn từ QL14 đến đường Phú Riêng Đò và đường quy hoạch số 20 từ đường Hùng Vương đến TTTM Đồng Xoài	263/QĐ-UBND 6/2/2017		136	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Xây dựng hệ thống đường khu TTHC tỉnh Bình Phước (tuyến Lý Thường Kiệt đoạn từ Km0+000-Km 845,27)	2062/QĐ-UBND 2/8/2016		231	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
4	Nâng cấp láng nhựa một số tuyến đường khu trung tâm hành chính tỉnh Bình Phước	2063/QĐ-UBND 2/8/2016		46	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
5	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14) đoạn từ Cây Chanh đến cầu 38 và đoạn từ cầu 38 đến thị xã Đồng Xoài. Tiểu dự án Giải phóng mặt bằng và tái định cư	886/QĐ-UBND ngày 13/4/2017		500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
6	Đường tránh các điểm đen trên ĐT 741 tại khu vực Nhà máy thủy điện Thác Mơ	422/QĐ-UBND ngày 28/02/2017		1.394	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT 759 đoạn từ xã Phước Tân huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình huyện Bù Đốp	65/QĐ-UBND ngày 10/01/2017		1.410	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
8	Xây dựng 03 cầu trên đường Đồng Phú-Bình Long	1295/QĐ-UBND ngày 03/06/2016		70	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
9	Dự án NCMR đường ĐT741 từ chốt Kiểm lâm đến Bù Gia Mập	1657/QĐ-UBND 21/09/2012	590	590	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
10	Đường liên xã từ ngã ba Cây Điệp đến sông Mã Đa phục vụ cứu hộ, cứu nạn các xã phía Đông, huyện Đồng Phú	896/QĐ-UBND ngày 06/4/2011	1.411	1.971	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
11	Xây dựng cống thoát nước qua Ngân hàng Nam Á chi nhánh Bình Phước	376/QĐ-UBND ngày 13/4/2010	186	186	Ngân hàng Nam Á chi nhánh Bình Phước
12	Đường dẫn Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Hoa Lư	995/QĐ-UBND ngày 22/4/2009	191	191	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
13	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Bô Nuê (Hoa Lư), huyện Lộc Ninh	2387/QĐ-UBND ngày 26/8/2009; 250/QĐ-UBND ngày 28/01/2010	123	123	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
14	Kênh thoát nước T1 tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	2524/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	67	67	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
15	Nối tiếp đường dẫn Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Hoa Lư	2528/QĐ-UBND ngày 30/12/2012	59	59	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn đầu năm	Kế hoạch vốn điều chỉnh	Chủ đầu tư
16	Đường trục chính đoạn nối từ QL 13 đến KCN Minh Hưng III	178/QĐ-UBND ngày 19/01/2011	422	422	Công ty Cổ phần KCN Cao su Bình Long
17	GPMB dự án Khu tái định cư và nhà ở công nhân 38,44ha	3489/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 1374/QĐ-UBND ngày 14/6/2011	866	866	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
18	Đường Trục chính D1 thuộc Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Bình Phước	33/QĐ-UBND ngày 06/01/2010; 209/QĐ-UBND ngày 24/01/2010; 210/QĐ-UBND ngày 22/01/2010; 1072/QĐ-UBND ngày 15/5/2010	99	99	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
VII	Quản lý Nhà nước		649	884	
1	Sửa chữa, cải tạo nhà khách Tỉnh ủy Bình Phước	563-QĐ/TU ngày 29/03/2017		235	Văn phòng Tỉnh ủy
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước	218/QĐ-UBND ngày 05/02/2013	155	155	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
3	Trung tâm dạy nghề và Hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh	960-QĐ/HNDTW ngày 05/9/2012	300	300	Hội nông dân tỉnh Bình Phước
4	Trung tâm dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	2190/QĐ-UBND ngày 04/10/2011	194	194	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp